

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-PT

Ngày: 09-4-2019

V/v “Tranh chấp di sản thừa kế,  
tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Châu Thạch

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Hồng

Ông Trịnh Văn Hùng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:***  
Ông Hoàng Thế Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLPT- DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp: “Di sản thừa kế, quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa 46/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2019, Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Cao Đ, sinh năm: 1965; cư trú tại thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Thanh D, sinh năm: 1967; cư trú tại số 11A, đường L, phường S, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 7823, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Thọ Q chứng nhận ngày 23/11/2016), có mặt.

*Bị đơn:* Cụ Cao Thị Thanh Đ, sinh năm: 1930 (chết ngày 03/11/2017).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đ: Bà Nguyễn Cao Thanh Th, sinh năm: 1957; ông Nguyễn Cao Tr, sinh năm: 1959; ông Nguyễn

Cao H, sinh năm: 1960; bà Nguyễn Cao Thùy H, sinh năm: 1962; bà Nguyễn Cao Phương Th, sinh năm: 1963; bà Nguyễn Cao Phương T, sinh năm: 1967; ông Nguyễn Cao Th, sinh năm: 1970; ông Nguyễn Cao Th, sinh năm: 1971; ông Nguyễn Cao Ch, sinh năm: 1973.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Cao Thanh Th, sinh năm: 1957; cư trú tại thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Cao Tr, sinh năm: 1959; cư trú tại tổ 6, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

3/ Ông Nguyễn Cao H sinh năm: 1960; cư trú tại thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

4/ Bà Nguyễn Cao Thùy H, sinh năm: 1962; cư trú tại số 6A, đường Q, Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

5/ Bà Nguyễn Cao Phương Th, sinh năm: 1963; cư trú tại thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

6/ Bà Nguyễn Cao Phương T, sinh năm: 1967; cư trú tại số 380, đường N, Phường 8, thành phố Đ, có mặt.

7/ Ông Nguyễn Cao Th, sinh năm: 1970; cư trú tại thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

8/ Ông Nguyễn Cao Th, sinh năm: 1971; cư trú tại tổ 6, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

9/ Ông Nguyễn Cao Ch, sinh năm: 1973; cư trú tại tổ 6, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

10/ Ông Nguyễn Cao S, sinh năm: 1954 (chết năm 2006).

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ nghĩa vụ tố tụng của ông S:

10.1. Anh Nguyễn Võ Thiên S, sinh năm: 1989.

10.2. Anh Nguyễn Võ Tâm H, sinh năm: 1990.

Cùng cư trú tại tổ 9, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

*Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Cao Đ, sinh năm: 1965 – Nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2016, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của Ông Nguyễn Cao Đ thì:

Cha mẹ đẻ của ông là vợ chồng cụ Nguyễn Quý Th, Cao Thị Thanh Đ từ tỉnh Q đi kinh tế mới vào xã L, huyện B vào năm 1975, được nhà nước cấp 4 sào

đất để làm ăn sinh sống. Lúc khai phá gia đình trồng dâu, chè và sau chuyển đổi thành cây cà phê. Sau này ông khai phá đất hoang được hơn 01 sào, tổng cộng là 5.873m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất 127, tờ bản đồ 112, xã L, huyện B. Năm 2012 khi nhà nước đo đạc lại diện tích đất ở xã L thì đo đạc luôn cả phần đất của ông khai phá và cấp chung thành diện tích hơn 05 sào đứng tên Cụ Cao Thị Thanh Đ. Năm 2004 ông lấy vợ và sử dụng căn nhà gỗ gia đình xây dựng trước đây, còn cụ Đ làm 01 căn nhà cấp 4 kế nhà ông để ở. Đến năm 1997 cụ Th chết không để lại di chúc. Vào ngày 09/3/2016 cụ Đ tự ý lập thủ tục tặng cho toàn bộ tài sản trên cho con gái là Bà Nguyễn Cao Thanh Th. Ông xác định tài sản trên không phải là tài sản riêng của Cụ Cao Thị Thanh Đ mà là tài sản thuộc sở hữu chung chưa chia từ việc cụ Th chết để lại. Nay ông khởi kiện yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung do cụ Th chết để lại theo quy định của pháp luật.

- Theo lời trình bày của Cụ Cao Thị Thanh Đ thì thửa đất số 127, tờ bản đồ 112 xã L, huyện B có diện tích 5.873m<sup>2</sup> do cụ đứng tên quyền sử dụng đất từ năm 1997, trong đó có 4.000m<sup>2</sup> là do nhà nước cấp cho cụ vào năm 1976; thời gian này chồng của cụ là cụ Nguyễn Quý Th đang tập trung cải tạo tại Hành Tín, tỉnh Q, đến năm 1978 cụ Th mới về và vào sinh sống tại xã L, huyện B cùng gia đình. Năm 1979 cụ Th và các con là Nguyễn Cao S, Nguyễn Cao Thanh Th, Nguyễn Cao Tr, Nguyễn Cao H khai phá thêm khoảng 1.800m<sup>2</sup>. Sau 15 năm bỏ hoang, năm 2005 ông Nguyễn Cao Ch khai phá và đào ao, năm 2008 Ông Nguyễn Cao Đ trồng trà trên diện tích khoảng 1.800m<sup>2</sup>. Năm 2009 vì có tranh chấp giữa các con trong gia đình nên cụ và các con đã làm giấy cho ông Đ canh tác và hưởng hoa màu trên diện tích đất này. Năm 2012 ông Đ và vợ là bà Nguyễn Thị Huệ đến Ủy ban nhân dân xã để sang tên nhưng không thành. Năm 2014 khi cụ được nhà nước cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường nhận và cất giữ. Đến tháng 9/2015 ông Đ hồ hoán đã bị trộm lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên và một số tiền trong tủ nhà ông Đ. Do đó cụ đã xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2016.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung thì cụ không đồng ý.

Theo lời trình bày của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đ đồng thời là người có quyền, nghĩa vụ liên quan thì:

- Bà Nguyễn Cao Thanh Th trình bày: Năm 1975 mẹ bà là Cụ Cao Thị Thanh Đ từ tỉnh Q đi kinh tế mới vào xã L, huyện B, được nhà nước cấp cho thửa đất diện tích khoảng 04 sào để canh tác; lúc này cha của bà là cụ Nguyễn Quý Th đi cải tạo đến năm 1977 mới về sum họp. Đến năm 1993 thì nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đ. Năm 1997 cụ Th chết không để lại di chúc, thửa đất trên được cụ Đ và các anh em trong gia đình canh tác

bình thường, đến năm 2016 cụ Đ được nhà nước cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nay là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 112, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng có diện tích 5.873,1m<sup>2</sup>.

Nay Ông Nguyễn Cao Đ khởi kiện yêu cầu được chia 1/10 trong tổng diện tích 5.873,1m<sup>2</sup> của thửa đất số 127, tờ bản đồ 112 xã L, huyện B thì bà không đồng ý vì thửa đất trên của cha mẹ nhưng khi bố chết không để lại di chúc nên ½ diện tích 5.873,1m<sup>2</sup> thửa đất số 127, tờ bản đồ 112 xã L, huyện B là của mẹ, ½ diện tích còn lại là 2.936,5m<sup>2</sup> được chia đều cho 11 người con thì ông Đ chỉ được 1/11 trong số diện tích 2.936,5m<sup>2</sup>, bà cũng yêu cầu cũng được chia 1/11 của diện tích 2.936,5m<sup>2</sup>. Đối với biên bản họp gia đình ngày 22/3/2009 bà không có mặt nên không đồng ý.

- Ông Nguyễn Cao Tr thống nhất với lời trình bày của bà Th về nguồn gốc của diện tích đất nói trên. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu bà Địch chia 1/10 diện tích 5.873,1m<sup>2</sup> của thửa đất số 127, tờ bản đồ 112, xã L, huyện B thì ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu được chia thì phần của ông sẽ nhượng lại cho ông Đ. Đối với biên bản họp gia đình ngày 22/3/2009 ông có mặt nên đồng ý với nội dung biên bản.

- Ông Nguyễn Cao Th cho rằng thửa đất số 127, tờ bản đồ 112, xã L, huyện B có diện tích 5.873,1m<sup>2</sup> được cấp cho hộ gia đình Cụ Cao Thị Thanh Đ. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu chia 1/10 diện tích đất thì ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; nếu được chia thì ông sẽ nhận. Đối với biên bản họp gia đình ngày 22/3/2009 ông có mặt nên đồng ý với nội dung biên bản.

- Bà Nguyễn Cao Phương Th thống nhất với lời trình bày của ông Thọ nêu trên. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu chia 1/10 diện tích đất thì bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; nếu được chia thì bà sẽ nhận. Đối với biên bản họp gia đình ngày 22/3/2009 bà có mặt nên đồng ý với nội dung biên bản.

- Bà Nguyễn Cao Thùy H đề nghị Tòa án xét xử theo biên bản họp gia đình ngày 22/3/2009.

- Ông Huy, bà Hương, bà Tâm, ông Thy, ông Chi, anh San, anh Hoan đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 33/2018/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018; Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Cao Đ về việc “Tranh chấp về chia tài sản thuộc sở hữu chung” đối với bị đơn Cụ Cao Thị Thanh Đ đối với phần tài sản do cụ Nguyễn Quý Th chết để lại chưa chia là thửa đất 127, tờ bản đồ 112 xã L.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Ông Nguyễn Cao Đ phải chịu số tiền là 7.088.600đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 19/10/2018 Ông Nguyễn Cao Đ kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận diện tích 1.871,3m<sup>2</sup> và cây trồng trên đất thuộc một phần thửa 127, tờ bản đồ số 112 xã L, huyện B là tài sản riêng của ông, được khai phá năm 2008 đồng thời yêu cầu chia thừa kế đối với lô đất có diện tích 4.246m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 112 xã L, huyện B theo pháp luật. Đề nghị hủy di chúc do Cụ Cao Thị Thanh Đ lập ngày 30/12/2016.

*Tại phiên tòa,*

Ông Nguyễn Cao Đ vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xuất phát từ việc cho rằng trong lô đất có diện tích 5.873,1m<sup>2</sup> thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 112, tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng có 4.000m<sup>2</sup> là tài sản chung của cụ Th, cụ Đ để lại, lô đất có diện tích 1.873,1m<sup>2</sup> là do ông Đ khai phá. Năm 1997 cụ Th chết không để lại di chúc, nay ông Đ có đơn khởi kiện yêu cầu được hưởng di sản do cha mẹ để lại đồng thời xin nhận 1.873,1m<sup>2</sup> đất mà ông đã khai phá và hiện nay đang sử dụng, bị đơn không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Tranh chấp về tài sản thuộc sở hữu chung" là chưa chính xác; cần xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp di sản thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất" mới phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng trong diện tích đất 5.873,1m<sup>2</sup> thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 112, tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng có 4.000m<sup>2</sup> được các đương sự đều thừa nhận có nguồn gốc do nhà nước cấp cho cụ Đ vào năm 1976 khi cụ đi kinh tế mới vào huyện B, cấp sơ thẩm cho rằng cụ Đ được cấp đất trong thời gian cụ Th cải tạo tại Hành Tín, tỉnh Q nên đây là tài sản riêng của cụ Đ là không chính xác, bởi lẽ trong thời kỳ này quan hệ hôn nhân giữa cụ Th và cụ Đ đang tồn tại, thời điểm cụ Đ có tài sản thì Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 đang có hiệu lực pháp luật, các quan hệ hôn nhân, con cái, tài sản,... đều chịu sự điều chỉnh của Văn bản Luật vừa viện dẫn. Theo quy định tại Điều 15

Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 thì “Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”. Do đó diện tích đất nói trên là tài sản chung của vợ chồng cụ Đ và cụ Th. Căn cứ hướng dẫn tại mục I Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia tài sản của cụ Th để lại vẫn còn. Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào việc khi cụ Đ được cấp đất thì không có cụ Th nên không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn là không chính xác, làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ hợp pháp của đương sự.

[3] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì đối với lô đất có diện tích 1.873,1m<sup>2</sup> ông Đ cho rằng có nguồn gốc do ông khai phá và sử dụng từ trước đến nay; cụ Đ khi còn sống thì cho rằng đất là do cụ Th và các con là Nguyễn Cao S, Nguyễn Cao Thanh Th, Nguyễn Cao Tr, Nguyễn Cao H khai phá. Như vậy xét về bản chất thì ông Đ tranh chấp quyền sử dụng đối với lô đất này chứ không phải yêu cầu chia di sản thừa kế, cấp sơ thẩm chưa tách phần yêu cầu này, gộp chung vào cùng với 4.000m<sup>2</sup> để giải quyết trong cùng vụ án chưa chính xác. Ngoài ra, cụ Đ cho rằng vào năm 2005 ông Nguyễn Cao Ch khai phá và đào ao, năm 2008 Ông Nguyễn Cao Đ trồng trà trên diện tích đất nói trên. Năm 2009 vì có tranh chấp giữa các con trong gia đình nên cụ và các con đã làm giấy cho ông Đ canh tác và hưởng hoa màu trên diện tích đất này. Tại phiên tòa ông Đ cho rằng hoa màu trên đất do vợ chồng ông đầu tư canh tác trên đất; cấp sơ thẩm chưa làm rõ công sức tôn tạo, đầu tư cây trồng trên đất, không đưa vợ ông Đ là bà Nguyễn Thị Huệ tham gia tố tụng trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[4] Theo như cụ Đ trình bày thì diện tích 1.873,1m<sup>2</sup> được cụ Th và các con là Nguyễn Cao S, Nguyễn Cao Thanh Th, Nguyễn Cao Tr, Nguyễn Cao H khai phá thêm vào vào năm 1979. Sau 15 năm bỏ hoang, năm 2005 ông Nguyễn Cao Ch khai phá và đào ao, cấp sơ thẩm chưa xác minh vấn đề này để làm rõ nguồn gốc của lô đất để xem xét đây là tài sản chung của gia đình cụ Đ hay là tài sản riêng của ông Đ. Ngoài ra ông S chết năm 2006, chết sau cụ Th, cấp sơ thẩm chưa làm rõ những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S gồm những ai để đưa vào tham gia tố tụng, hồ sơ thể hiện chỉ đưa anh Hoan và anh San tham gia trong vụ án là chưa đầy đủ.

[5] Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lần đầu vào ngày 15/3/2016, tuy nhiên đến ngày 30/12/2016 cụ Đ lại lập di chúc để lại toàn bộ tài sản đang tranh chấp cho bà Th, được Văn phòng công chứng Nguyễn Thọ Q chứng nhận cùng ngày. Đây được xem là phát sinh tình tiết mới, quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu hủy di chúc nói trên để chia di sản thừa kế nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét là không phù hợp, không giải quyết triệt để vụ

án. Ngoài ra những người liên quan khi trình bày cũng có nguyện vọng xin được nhận tài sản do cha mẹ để lại, cấp sơ thẩm không làm rõ các yêu cầu này để cho đương sự đồng tâm ứng án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có thiếu sót.

[6] Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa làm rõ các vấn đề vừa nêu, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí tố tụng: chi phí đo vẽ, thẩm định giá, xem xét thẩm định tại chỗ (đã quyết toán xong) sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[8] Về án phí: Do hủy Bản án sơ thẩm nên ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Nguyễn Cao Đ.

Tuyên xử:

1/ Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018; Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng về việc “Tranh chấp di sản thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa Ông Nguyễn Cao Đ và Cụ Cao Thị Thanh Đ, (chết ngày 03/11/2017); những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đ: Bà Nguyễn Cao Thanh Th, ông Nguyễn Cao Tr, ông Nguyễn Cao H bà Nguyễn Cao Thùy H, bà Nguyễn Cao Phương Th, bà Nguyễn Cao Phương T, ông Nguyễn Cao Th, ông Nguyễn Cao Th, ông Nguyễn Cao Ch. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Cao Thanh Th, ông Nguyễn Cao Tr, ông Nguyễn Cao H bà Nguyễn Cao Thùy H, bà Nguyễn Cao Phương Th, bà Nguyễn Cao Phương T, ông Nguyễn Cao Th, ông Nguyễn Cao Th, ông Nguyễn Cao Ch, ông Nguyễn Cao S (chết năm 2006); những người kế thừa quyền, nghĩa vụ nghĩa vụ tố tụng của ông S: Anh Nguyễn Võ Thiên S, Anh Nguyễn Võ Tâm H.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2/ Về án phí: Ông Nguyễn Cao Đ được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005451 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Huỳnh Châu Thạch**